

Theo Ngân hàng phát triển châu (ADB), châu Á đứng đầu là Thái Lan, Malaysia và Trung Quốc sẽ lại vượt các nước khác trên thế giới về tăng trưởng kinh tế trong 2 năm tới do xuất khẩu tiếp tục tăng và những cải cách cơ chế.

Tổng sản phẩm nội địa (GDP) trung bình ở các nước đang phát triển châu Á sẽ tăng 6,5% năm 1992 và 6,7% năm 1993. Ngược lại, tăng trưởng kinh tế thế giới ở mức trì trệ 1,8% năm 1992 và 3% năm 1993. Sự tăng trưởng kinh tế châu Á năm 1992 và 1993 sẽ cao nhất thế giới do động lực của khu vực xuất khẩu.

Malaysia, Thái Lan và Trung Quốc sẽ đẩy mạnh mức tăng nhanh vào khoảng 8% năm nay, Philippin thấp nhất, các nước Nam Á và Nam Thái Bình Dương cũng vậy. (Bangkok Post 4.4.92)

IMF CHO LÀO VAY 8 TRIỆU USD ĐỂ CẢI CÁCH KINH TẾ

Ngày 4.5 Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã công bố cho Lào vay 8 triệu USD để ủng hộ chương trình cải cách kinh tế của Lào.

Năm 1989, Lào đã bắt tay vào thực hiện chương trình cải cách kinh tế đầy tham vọng và kết quả đã đưa tỷ lệ lạm phát giảm từ 75% năm 1989 xuống còn 0% năm 1991 và đã đạt tốc độ phát triển kinh tế trung bình hàng năm 8% trong thời gian trên.

Số tiền IMF cho Lào vay nói trên nhằm ủng hộ mục đích giảm lạm phát Lào xuống còn 6 hoặc 7% vào cuối năm nay và đạt tốc độ phát triển kinh tế 5,5%.

Theo IMF, các kế hoạch của Lào bao gồm việc đẩy mạnh tư nhân hoá cũng như thực hiện các biện pháp mới để tự do hoá mậu dịch và khích lệ đầu tư nước ngoài. (Washington 4.5.92)

THÂM HỤT MẬU DỊCH MỸ GIẢM XUỐNG MỨC THẤP NHẤT TRONG 9 NĂM QUA

Theo tin của chính phủ Mỹ, thâm hụt mậu dịch của Mỹ vào tháng 2.92 đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 9 năm qua vì xuất khẩu của Mỹ đã tăng rất mạnh, bất chấp sự suy yếu của nền kinh tế toàn cầu.

Bộ thương mại Mỹ cho biết, thâm hụt mậu dịch vào tháng 2.92 đã giảm 43% và là 3,38 tỷ USD. Xuất khẩu của Mỹ là một trong những khu vực mạnh nhất trong nền kinh tế Mỹ, và đã giúp đỡ nhiều cho khu vực sản xuất, trong khi nhiều ngành công nghiệp khác đang ở trong tình trạng trì trệ. (Business Post 18.4.92)

(K.A tổng hợp)

NHỮNG MÔ HÌNH ĐỔI MỚI TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG CHÂU Á

NGUYỄN NGỌC CHÍNH

Một trong những quy luật mới được hình thành qua kinh nghiệm thực tiễn của sinh hoạt kinh tế thế giới ngày nay là vai trò có tính cách quyết định của hệ thống ngân hàng: Ngân hàng càng hoạt động hữu hiệu bao nhiêu thì nền kinh tế quốc gia càng phát triển bấy nhiêu.

Hoạt động ngân hàng tại các nước châu Á trong những năm gần đây hầu như đã thay da đổi thịt với các mô hình đổi mới. Một loạt các ngân hàng đã thoát ra khỏi bóng tối bao phủ bởi một hệ thống công quản hoặc quốc doanh trong đó chủ ngân hàng thường là nhân viên nhà nước bị trói buộc bởi những giới hạn của luật lệ có tính cách áp đặt.

Một số quốc gia thuộc khu vực Châu Á đã sớm ý thức được vai trò quyết định của hoạt động ngân hàng trong quá trình phát triển kinh tế nên đã mạnh dạn "cởi trói" để ngân hàng phục vụ tốt hơn, cạnh tranh với nhau lành

nhịệm thành công cũng như thất bại.

Hoạt động ngân hàng tại Đài Loan trong suốt những thập kỷ qua nằm trong tầm chi phối của một mạng lưới gồm 24 ngân hàng, hầu hết dưới sự quản lý chặt chẽ của nhà nước. Chính phủ Đài Loan đã đi đến một quyết định ngoạn mục trước sự ngạc nhiên của giới ngân hàng trong cũng như ngoài nước: tháng 6.91 Bộ Tài chính Đài Loan đã chính thức cấp 15 giấy phép thành lập ngân hàng tư nhân trong tổng số 19 đơn xin.

Quyết định của Đài Loan được đánh giá là biện pháp khẳng định quyết tâm của đảo quốc này trong nỗ lực biến Đài Bắc thành một trung tâm tài chính của khu vực châu Á có khả năng thay thế vị trí của Hồng Kông khi vùng đất này được trả lại cho Trung Quốc vào năm 1997.

Trước mắt, sự xuất hiện của 15



mạnh hơn, và quan trọng hơn cả là tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt kinh tế của đất nước.

Tuy nhiên, bước đường đổi mới trong hoạt động ngân hàng không phải ở đâu và lúc nào cũng phẳng phiu, thuận buồm xuôi gió. Chúng ta sẽ lần lượt điểm qua một số trường hợp tại một số quốc gia Châu Á để từ đó rút ra những kinh

ngân hàng tư nhân sẽ tạo một hệ quả mạnh trong vấn đề cạnh tranh trong nước, qua đó lãi suất tiền gửi sẽ tăng và lãi suất tín dụng sẽ giảm. Ngân hàng tư nhân Đài Loan còn là một công cụ hữu hiệu để nền kinh tế đảo quốc này đột phá "sự cô lập chính trị" và thâm nhập thị trường tài chính thế giới qua hình thức liên doanh hoặc hợp tác với các

ngân hàng hàng đầu thế giới.

Ngoài việc mang lại những cải tiến trong cung cách phục vụ như hệ thống đường dây liên lạc tự động và trực tiếp giữa ngân hàng với máy vi tính của khách hàng đặt tại nhà, sự cạnh tranh còn tạo điều kiện phát sinh những dịch vụ đa dạng trong hoạt động tài chính như những chương trình tín dụng trong du lịch và hôn nhân, hoặc mua nhà trả góp với kỳ hạn kéo dài qua hai thế hệ.

Tuy nhiên, một số người vẫn tỏ ý lo ngại trước sức ép tài chính của các tập đoàn kinh tế hàng đầu trong nước với vai trò tài trợ đứng sau lưng các ngân hàng tư nhân vì luật ngân hàng của Đài Loan đòi hỏi một số vốn tối thiểu 370 triệu đôla để thành lập một ngân hàng tư. Khi hoạt động tài chính năm trong tay một thiểu số tài phiệt, nền kinh tế quốc gia chắc chắn sẽ bị chi phối và lái theo hướng của họ. Đó là cái giá Đài Loan phải trả để có được một hệ thống ngân hàng "giải tử".

Nền kinh tế Indonesia vào giữa thập niên 80 gần như suy sụp vì lợi tức thu nhập từ dầu mỏ giảm đến mức báo động, kèm theo đó là một bộ máy hành chính nặng nề, quan liêu và một hệ thống luật pháp rườm rà, rắc rối.

Mô hình đổi mới của Indonesia mang tính đảo ngược: thay vì thực hiện chương trình phát triển tài chính vào giai đoạn cuối của quá trình phát

triển kinh tế như vẫn thường áp dụng tại các nước châu Á, Indonesia đã đổi mới toàn bộ hệ thống tài chính, ngân hàng trước giai đoạn "cất cánh" của nền kinh tế.

Một loạt các biện pháp tài chính và ngân hàng đã được thực hiện tại Indonesia: lãi suất ngân hàng được thả nổi, đạo luật Pacto '88 cho phép thành lập ngân hàng tư nhân với số chỉ nhánh không giới hạn, luật lệ nhiều khe và thủ tục rườm rà được tinh giản, kèm theo đó, thị trường chứng khoán được thành lập để tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động tài chính.

Hệ thống tài chính, ngân hàng đã mang lại một luồng gió mới trong sinh hoạt kinh tế tại Indonesia trong suốt giai đoạn 1988-1991 với tỷ lệ tăng trưởng đạt 9%, gấp đôi thời kỳ khủng hoảng giữa thập niên 80.

Tuy nhiên, qua mô hình Indonesia các chuyên viên về tài chính, ngân hàng rút ra được một bài học: "Chính sách tài chính, ngân hàng càng phóng khoáng càng phát sinh nhiều rủi ro trong quá trình thực hiện". Thực tế cho thấy khách hàng là những người được thật sự hưởng lợi qua sự cạnh tranh trong hiện tượng "bùng nổ" của ngân hàng tư nhân, nhưng không phải ngân hàng tư nhân nào cũng thành công trong kinh doanh tài chính và hậu quả tất yếu của cạnh tranh là sự đào thải.

Trong hoạt động ngân hàng, sự đào thải sẽ khắc nghiệt hơn bất kỳ một hoạt động kinh tế nào khác. Bank Duta ngân hàng tư nhân đứng hàng thứ nhì Indonesia là một trường hợp điển hình. Năm 1990 Bank Duta đã lỗ đến 419 triệu đôla trong kinh doanh ngoại tệ. Sự thất bại của Bank Duta còn tạo ảnh hưởng dây chuyền đến toàn bộ hoạt động ngân hàng tư nhân Indonesia dưới sức ép củ

nguy cơ lạm phát, lãi suất trong nước lúc đã lên đến 35%. Chính phủ Indonesia phải đưa ra biện pháp bắt buộc các ngân hàng tư nhân phải hội đủ những tiêu chuẩn do Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) quy định. Để thực hiện được điều này Ngân hàng Nhà nước sẽ phải chi viện khoảng 8 tỷ đôla cộng thêm với 3 tỷ đôla do các ngân hàng tư nhân tự túc.

Hoạt động ngân hàng tư nhân thuộc khu vực A Châu trong năm 1991 đã trải qua một biến cố trọng đại với vụ scandal nổi tiếng thế giới của Ngân hàng Tín dụng và Thương mại Quốc tế (BCCI), sự tồn thất cho đến giờ này được các chuyên gia tài chính dự toán từ 1 đến 15 tỷ đôla. Bài học BCCI cho thấy những rủi ro không thể lường trước được trong lĩnh vực kinh doanh tài chính một khi có sự gian lận, bất chính.

Quan niệm về khách hàng "chính cốt" ngày nay đã trở nên lỗi thời. Trước đây, khách quen của ngân hàng được coi như cá, một khi đã cắn câu sẽ không còn vượt đi đâu. Khách hàng ngày nay trong bối cảnh cạnh tranh của hoạt động ngân hàng được đối xử tương tự như hành khách của các hãng hàng không. Citibank đã thực hiện kế hoạch "phân loại" khách hàng theo hạng nhằm mục đích phục vụ tốt hơn.

Ngoài ra, tại một số quốc gia châu Á như Singapore và Malaysia hiện đang có những dự án kết hợp các ngân hàng thành những "siêu thị tài chính" (financial supermarket) dưới các hình thức hoạt động đa dạng đáp ứng mọi yêu cầu về tài chính và ngân hàng. Chính phủ Malaysia đang có kế hoạch sáp nhập 38 ngân hàng thương mại và 45 công ty tài chính thành 5 hoặc 6 "siêu thị tài chính". Singapore cũng muốn kết hợp 4 ngân hàng tư nhân hàng đầu với một ngân hàng thuộc quyền quản lý của nhà nước.

Chân dung của người chủ ngân hàng ngày nay cũng đã thay đổi từ một thể chế công chức nhà nước sang đội ngũ các nhà kinh doanh tài chính tháo vát, năng nổ, và quan trọng hơn cả là một trình độ nghiệp vụ vững vàng để tạo bản lĩnh tự tin, luôn sẵn sàng chấp nhận mọi rủi ro và thử thách đang còn ở phía trước.

NNC.

VIỆT NAM TRONG KHU VỰC

NHỮNG PHẢN HỒI TỪ CHUYẾN VIẾNG THĂM VIỆT NAM

Theo *The Star* 16.5.92, ba tuần sau khi phái đoàn doanh nhân Malaysia kết thúc chuyến viếng thăm Việt Nam và đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh, một cuộc hội thảo về Triển vọng và cơ hội đầu tư kinh doanh địa ốc tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được tổ chức tại thủ đô Kuala Lumpur nhằm giới thiệu 36 dự án đầu tư vào hạ tầng cơ sở trị giá 2,3 tỷ đôla, chủ yếu tập trung ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh trong số các dự án này có 2 dự án đã thu hút nhiều nhà kinh doanh địa ốc Malaysia, đó là: dự án Công viên 23.9 ở trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 259 triệu đôla và dự án xây dựng Làng thể vận gần cầu Rạch Chiếc trị giá 400 triệu đôla. Các dự án khác như dự án xây dựng một khu hành chánh nằm ở bên kia sông Sài Gòn được nổi lên bởi 2 cây cầu bắc qua con sông này cũng đã thu hút một số nhà đầu tư Malaysia vốn có nhiều kinh nghiệm trong việc phát triển nông thôn và đô thị.

VIỆT NAM VÀ SINGAPORE: SẢN PHẨM DẦU HỎA

Theo *The Strait Times* 13.5.1992, Singapore có thể vẫn sẽ là nguồn cung cấp sản phẩm dầu hỏa chủ yếu cho Việt Nam trong vài năm tới. Năm ngoái, Singapore đã cung cấp hơn 95% sản phẩm dầu hỏa mà Việt Nam đã nhập khẩu (khoảng 2,6 triệu tấn, trên tổng số 2,7 triệu tấn sản phẩm dầu hỏa nhập khẩu). Trong năm 92, có khả năng Việt Nam sẽ tăng số lượng dầu hỏa nhập khẩu từ Singapore vào khoảng từ 5 đến 10%. Trước mắt, Việt Nam sẽ không nhập khẩu dầu hỏa từ các nguồn cung cấp khác vì lẽ sản phẩm dầu hỏa Singapore có ưu thế về giá cả, chất lượng và lộ trình chuyển chở gần gũi.

Mặc dầu Việt Nam sản xuất khoảng 4 triệu tấn dầu thô mỗi năm, tức khoảng 80.000 thùng/ngày Việt Nam vẫn chưa có nhà máy lọc dầu nên còn phải tùy thuộc hoàn toàn vào dầu hỏa nhập khẩu. Một dự án xây dựng một nhà máy lọc dầu có công suất từ 100.000 đến 120.000 thùng/ngày đang được nghiên cứu về tính khả thi tại đất nước đang phải nhập khẩu khoảng 50.000 thùng dầu mỗi ngày này. Dự án liên doanh này trị giá ước lượng từ 1,2 đến 1,4 tỷ đôla. Dự án này trước mắt sẽ đáp ứng được sản lượng dầu thô ngày càng gia tăng của Việt Nam, mà theo các ước tính sẽ đạt hơn 110.000 thùng/ngày trong năm 1992, tức tăng 40% so với năm 91.

ĐD